TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92 /2019/HS - ST

Ngày: 12/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Ngà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quân; Ông Trần Ngọc Chiến

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Trần Xuân Vọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2019/TLST- HS ngày 5 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST- HS ngày 30/07/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thuyết Ng** ; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 09/10/1988, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 84, khu 7A, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ tên bố: Trịnh Công H ; Họ tên mẹ: Phạm Thị Th

Họ tên vợ: Hoàng Thị Kim L , có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 02/10/2018.

Bị can đầu thú ngày 23/4/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh.

*Bị hại: Chị Trịnh Thị B – sinh năm 1974, Địa chỉ: Tổ 84, khu 7A, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.Có mặt tại phiên tòa

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu 3, phường C, thành phố Cẩm Phả,

tỉnh Quảng Ninh.Vắng mặt, có đơn xử án vắng mặt

**Người làm chứng:* Cháu Nguyễn Trịnh Việt A - sinh năm 2003; Chị Phạm Thị Th – sinh năm 1968, Đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 84, khu 7A, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị Th có mặt, cháu A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà Trịnh Thuyết Ng và nhà chị Trịnh Thị B đều ở tại tổ 84, khu 7A, phường C, thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh và ở sát cạnh nhau, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/4/2019 Trịnh Thuyết Ng nhìn thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu DKAIMA, biển số 14MĐ3 - 041.83 của nhà chị Trịnh Thị B dựng ở sân nhà Ng, Ng đã nảy sinh ý định trộm cắp cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Sau khi lấy được chìa khóa xe, Ng mở khóa xe và điều khiển xe trộm cắp được đi đến nhà anh Nguyễn Văn T , ở tổ 6, khu 3, phường C, thành phố Cẩm Phả, là người quen của Ng . Tại đây, Ng hỏi vay anh T 5.000.000 đồng và để lại chiếc xe vừa trộm cắp để làm tin. Anh T đồng ý và đưa tiền cho Ng . Chị B do không thấy chiếc xe dựng ở cửa nhà Ng đã hỏi mọi người trong gia đình và được biết Ng lấy xe đi. Chị B liên lạc với Ng , Ng nói là đã mang xe đi cắm và không có tiền chuộc lại xe, ngày 22/4/2019, chị B đến Công an trình báo. Đến ngày 23/4/2019, Ng đến Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. (Bút lục số 22, 44, 78, 83)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/HĐĐG ngày 24/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cẩm Phả, kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu DKAIMA biển số 14MĐ3-041.83 có trị giá 14.582.700 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cùng chiếc chìa khóa cho chị Trịnh Thị Bé (Bút lục số 33, 113).

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thuyết Ng khai nhận do nhà Ng và nhà chị B sát nhau và có quan hệ là họ hàng, nên hàng ngày cháu A là con chị B thường để xe trong sân nhà bị cáo, A để xe trong sân nhà bị cáo không gửi cụ thể ai trong nhà bị cáo. Bị cáo thường xuyên sang nhà chị B chơi, nên biết chìa khóa xe máy điện nhà chị B để trên tủ giầy ngay sát cửa ra vào, nên khoảng 18 giờ 30 ngày 11/4/2019 bị cáo đã lợi dụng lúc mọi người không để ý đã lấy chìa khóa xe ra mở khóa xe, rồi điều khiển xe đi đến nhà anh T . Tại nhà anh T , bị cáo hỏi vay anh T 5.000.000đồng, để anh T đồng ý cho vay tiền bị cáo đã nói với anh T để lại chiếc xe để làm tin, anh T đã đồng ý cho bị cáo vay số tiền 5.000.000đồng, ngày hôm sau bị cáo có nhắn tin cho chị B , với nội dung xin lỗi chị B vì đã mang xe của chị B đi cắm và không có khả năng chuộc lại xe. Mục đích bị cáo trộm cắp chiếc xe của gia đình chị B là để có tiền chi tiêu cho bản thân. Số tiền 5.000.000đồng vay được của anh T bị cáo đã ăn tiêu hết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra có lời khai: Khoảng 20 giờ ngày 11/4/2019 bị cáo Trịnh Thuyết Ng có đến nhà anh hỏi vay anh số tiền 5.000.000đồng và thế chấp cho anh xe máy điện nhãn hiệu DKAIMA, biển số 14MĐ3 - 041.83, anh đã đồng ý cho Nguyện vay, đến ngày 23/4/2019 anh biết chiếc xe này là tài sản trộm cắp, anh đã giao nộp cho cơ quan công an. (BL 79, 82-84). Trong đơn xin xử án vắng mặt anh T xác nhận,

gia đình bị cáo đã trả cho anh 3.000.000đồng, còn lại 2.000.000đồng anh không yêu cầu bị cáo trả cho anh.

Chị Trịnh Thị B là bị hại trong vụ án có mặt tại phiên tòa trình bày: chị là cô ruột của bị cáo, nhà chị và nhà bị cáo sát nhau, chiếc xe máy điện nhãn hiệu DKAIMA, biển số 14MĐ3 - 041.83 đăng ký mang tên chị, hàng ngày con chị là NguyễnTrịnh Việt A sử dụng để đi học, thường ngày vẫn để xe trong sân nhà bị cáo, khoảng 18 giờ ngày 11/4/2019 chị vẫn nhìn thấy chiếc xe để trong sân nhà bị cáo, sau đó khoảng 30 phút chị phát hiện không thấy xe chị hỏi mọi người thì con trai của bị cáo nói là bị cáo lấy xe đi. Ngày hôm sau bị cáo nhắn tin xin lỗi chị vì đã mang xe đi cắm và không có khả năng chuộc xe trả cho chị. Sau khi chị nhận lại xe chị đã thay mặt bị cáo trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000đồng, chị không yêu cầu bị cáo trả lại cho chị số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ngoài ra chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng là Nguyễn Trịnh Việt A lời khai trong quá trình điều tra (BL 75-78), chị Phạm Thị Th là mẹ của bị cáo Ng có mặt tại phiên tòa có lời khai phù hợp lời khai của chị B, phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra cho bị cáo, cháu A xác định địa điểm vị trí chiếc xe, vị trí nơi nơi cháu A để chìa khóa xe, cho bị cáo xác định địa điểm nhà anh T , kết quả phù hợp,thống nhất.

Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp thống nhất, phù hợp lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại cũng như lời khai của người làm chứng.

Biên bản bị cáo xác định nội dung tin nhắn, Biên bản kiểm tra điện thoại của chị Trịnh Thị Bé nội dung phù hợp, thống nhất. (BL 71)

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSCP ngày 04/07/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Trịnh Thuyết Ng về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày luận tội bị cáo với đề nghị kết tội bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thuyết Ng từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/4/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về vật chứng: cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe bị cáo trộm cắp cho chị B nên không đề cập giải quyết; Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo, bị hại không tranh luận với lời luận tội của KiÓm s¸t viªn; Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thuyết Ng khai báo hành vi phạm tội phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại Trịnh Thị B , phù hợp lời khai của người làm chứng, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở các chứng cứ trên đủ căn cứ để kết luận khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/4/2019, tại tổ 84, khu 7A, phường C, thành phố Cẩm Phả, Trịnh Thuyết Ng có hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu DKAIMA biển số 14MĐ3-041.83 trị giá 14.582.700 đồng của chị Trịnh Thị Bé.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tội danh có khung hình phạt từ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Cáo trạng truy tố bị cáo, lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo lợi dụng thói quen hàng ngày của cháu A thường xuyên để xe trong sân nhà bị cáo, lợi dụng mối quan hệ họ hàng thân quen bị cáo biết được nơi để chìa khóa xe, bị cáo đã lén lút lấy chìa khóa xe, trộm cắp xe mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo là người đủ thức biết hành vi trộm cắp xe máy điện của chị B là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền thỏa mãn nhu cầu bản thân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chính người thân của mình, không những xâm phạm quyền sở hữu tái ản của họ mà còn làm ảnh hưởng cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của họ.Vì vậy cần thiết phải xử lý cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, tội danh có khung hình phạt cao nhất bị xử phạt tù đến 03 năm, nên xác định bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra gia đình bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: 01 chiếc xe máy điện do anh T giao nộp, 01 chiếc điện thoại di động do chị B giao nộp, cơ quan điều tra đã trả chủ sở hữu là phù hợp nên không đề cập xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i , s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ;

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Thuyết Ng** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thuyết Ng 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 23/4/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trịnh Thuyết Ng phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt bị hại là chị Trịnh Thị B , vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T ; căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đối với bị cáo, bị hại tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh QN;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả*
- *Công an TP Cẩm Phả, CQ THA hình sự;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh QN;*
- *Chi cục thi hành án dân sự TP.Cẩm Phả;*
- *Bị cáo, Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Minh Ngà

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Minh Ngà

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh QN;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả*
- *Công an TP Cẩm Phả, CQ THA hình sự;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh QN;*
- *Chi cục thi hành án dân sự TP.Cẩm Phả;*
- *Bị cáo, Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Minh Ngà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Minh Ngà

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thành Trung (Chung)** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Khoản 3 Điều 7 ; Khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành Trung 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/11/2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2017 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thành Trung phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bà Hoàng Thị Nhân là người bị hại; báo cho bị cáo và bà Hoàng Thị Nhân biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với bà Hoàng Thị Nhân kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án .

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Minh Ngà